

MUA

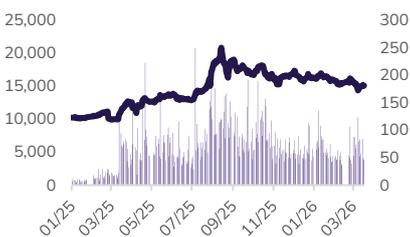
Nguyễn Xuân Hải

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Ngân hàng
Ngày báo cáo	: 25/03/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 15.000
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 20.000
Tỷ lệ tăng (%)	: 33,3%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 69.364
SLCPLH (Triệu CP)	: 4.593

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Q4/24	Q4/25
TT tín dụng (% svđn)	18.1%	17.1%
TT huy động (% svđn)	10.0%	16.0%
TT thu nhập lãi (% svck)	56.6%	-54.3%
NIM (%)	5.0%	1.9%
LDR thuần (%)	98.1%	99.1%
NPL (%)	2.9%	2.1%
LLR (%)	58.4%	82.4%
Vốn NH cho vay TDH	N/A	N/A
CIR (%)	24.1%	36.4%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Thu hồi nợ xấu và thoái vốn công ty con là động lực tăng trưởng

- **Kết quả kinh doanh Q4/2025 của SHB đi lùi svck.** Tổng thu nhập hoạt động (TOI) của SHB đạt 5.793 tỷ đồng (-39% svck) với sự sụt giảm mạnh của thu nhập lãi thuần (-54,3% svck). Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế (LNTT) đạt 2.794 tỷ đồng (+10,8% svck) nhờ chi phí trích lập dự phòng giảm mạnh (-81% svck).
- **KQKD cả năm 2025 tăng trưởng khả quan:** Tổng thu nhập hoạt động đạt 28.588 tỷ (+21,3% svck). LNTT ghi nhận 15.028 tỷ (+29,9% svck), tương đương 104% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Trong đó:
 - Thu nhập lãi thuần ghi nhận 20.217 tỷ đồng (-4,8% svck) do NIM giảm.
 - Tín dụng của SHB tăng trưởng +17,1% sv đầu năm, thấp hơn mức trung bình toàn ngành (+19% sv đầu năm). Nhóm cho vay bán lẻ dẫn đầu đà tăng trưởng (+21,5% sv đầu năm) nhưng chỉ chiếm 16,6% trong tổng danh mục tín dụng, trong khi nhóm khách hàng doanh nghiệp có mức tăng chậm hơn (+16,9% sv đầu năm) lại chiếm đáng kể trong tổng dư nợ (83,4%). Một số dự án lớn có sự tham gia giải ngân của ngân hàng như: Cảng Quảng Ninh, Cảng Hàng không Quảng Trị, Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc, T&T City Millennia...Đáng chú ý, dư nợ cho vay kinh doanh BĐS và xây dựng tăng mạnh +57,9% svck, chiếm 48% tổng dư nợ, phản ánh thị trường bất động sản phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn trầm lắng kéo dài. Ngoài ra, ngân hàng tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, với tỷ trọng 43% trong danh mục, sau khi có sự thay đổi quy định phân loại danh mục đầu tư hạ tầng nông thôn theo Nghị định 55 và 52.
 - NIM đạt 2,66%, giảm -60 bps svck, mức thấp nhất trong vòng 5 năm, với mức NIM suy yếu trong nửa cuối năm do áp lực tăng trưởng tín dụng trong khi mặt bằng lãi suất huy động bật tăng từ đáy. Nhìn chung, NIM của SHB vẫn thấp hơn mặt bằng chung toàn ngành ngân hàng (~3,01%).
 - Thu nhập ngoài lãi có mức tăng trưởng ấn tượng khi đạt 1.962 tỷ đồng (+257,7% svck) nhờ sự cải thiện ở tất cả các mảng.
 - Trong đó, hoạt động dịch vụ ghi nhận tăng trưởng +149,8% svck, được hỗ trợ bởi hoạt động thanh toán (+166% svck), ủy thác và đại lý (+66,2% svck). Hoạt động kinh doanh ngoại hối cũng ghi nhận đà tăng trưởng +199,2% svck trong bối cảnh tỷ giá biến động mạnh trong năm 2025. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán lãi 184,8 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 214,7 nhờ thị trường chứng khoán đã hồi phục tích cực trong năm.
 - Đáng chú ý, hoạt động kinh doanh khác tăng gấp 4 lần svck nhờ SHB ghi nhận 804,8 tỷ đồng thu hồi nợ xấu trong 2025, tăng +68,2% svck trong bối cảnh luật hóa Nghị quyết 42 đã được thông qua, tạo hành lang pháp lý vững chắc, giúp SHB đẩy nhanh tiến trình xử lý nợ xấu.

BẢNG 1 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025	% svck	2024	2025	% svck
Thu nhập lãi thuần (Tỷ đồng)	8,388	3,831	-54.3%	21,232	20,217	-4.8%
Thu nhập thuần ngoài lãi (Tỷ đồng)	1,110	1,962	76.9%	2,340	8,371	257.7%
Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ đồng)	9,498	5,793	-39.0%	23,572	28,588	21.3%
Chi phí hoạt động (Tỷ đồng)	2,287	2,108	-7.8%	5,760	6,416	11.4%
CIR (%)	24.1%	36.4%		24.4%	22.4%	
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (Tỷ đồng)	4,689	891	-81.0%	6,243	7,144	14.4%
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	2,521	2,794	10.8%	11,569	15,028	29.9%
NIM (%)	4.98%	1.91%		3.27%	2.66%	
Chi phí tín dụng (%)	3.75%	0.58%		1.30%	1.26%	
ROA (%)	1.16%	1.04%		1.35%	1.46%	
ROE (%)	14.7%	13.5%		17.3%	19.1%	

Nguồn: SHB, ABS Research

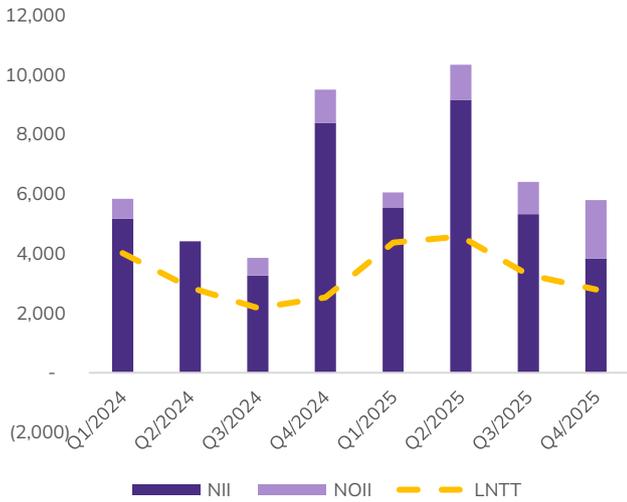
BẢNG 2 – CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHÍNH CỦA BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Q4/2024	Q4/2025	% svck
Tổng vốn chủ sở hữu	58,067	67,996	17.1%
Tổng tài sản	747,478	892,571	19.4%
Tổng tín dụng	529,038	619,538	17.1%
Tổng huy động	58,067	67,996	17.1%
Nợ xấu (%)	2.90%	2.12%	
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (%)	58.4%	82.4%	
LDR thuần (%)	98.1%	99.1%	

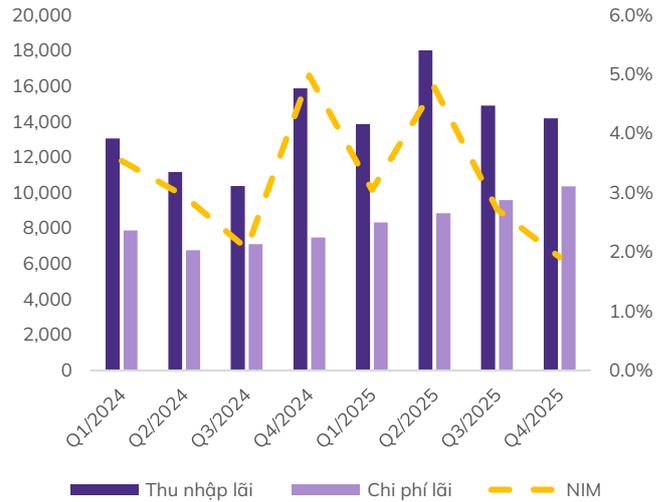
Nguồn: SHB, ABS Research

- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ghi nhận 7.144 tỷ đồng (+14,4% svck), qua đó tỷ lệ chi phí tín dụng ở mức 1,26% (-4 bps svck).
- Bên cạnh đó, SHB kiểm soát tốt chi phí vận hành ở mức 6.416 (+11,4% svck), qua đó tỷ lệ CIR giảm về mức thấp kỷ lục của ngân hàng là 22,4%, thuộc nhóm thấp nhất toàn ngành.
- **Về chất lượng tài sản và các tỷ lệ an toàn hoạt động:**
 - Tại thời điểm 31/12/2025, tỷ trọng dư nợ nhóm 2 và nợ xấu lần lượt đạt 0,49% và 2,12% trên tổng dư nợ, giảm mạnh so với đầu năm là 1,03% và 2,9%. Đây cũng là mức thấp nhất kể từ Q1/2022. Nợ xấu giảm trong khi ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu được cải thiện lên mức 82,4% (tăng +14,1 điểm % svck), đây cũng là mức cao nhất kể từ Q1/2022.
 - Tiền gửi và chứng chỉ tiền tăng mạnh trong nửa đầu năm nhưng dần chậm lại trong Q3 và Q4. Tính chung cả năm 2025, tăng trưởng đạt mức +16% sv đầu năm, cao hơn mức trung bình toàn ngành là +15% sv đầu năm. Trong đó, đà tăng trưởng được dẫn dắt bởi chứng chỉ tiền gửi (+35,3% sv đầu năm), cao hơn nhiều tiền gửi khách hàng (+14,5% sv đầu năm). Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn luôn dưới 30%, tỷ lệ dư nợ tín dụng trên vốn huy động (LDR) dưới 85%. Tỷ lệ CASA đạt 7,69%, tăng +53 bps svck, nhờ ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh việc chuyển đổi số.
 - Các chỉ số an toàn tài chính của SHB được kiểm soát trong vùng quy định. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) đạt 12,6% theo chuẩn Basel II, cao hơn nhiều mức 8% so với quy định của NHNN.

Lợi nhuận trước thuế (Tỷ VND)

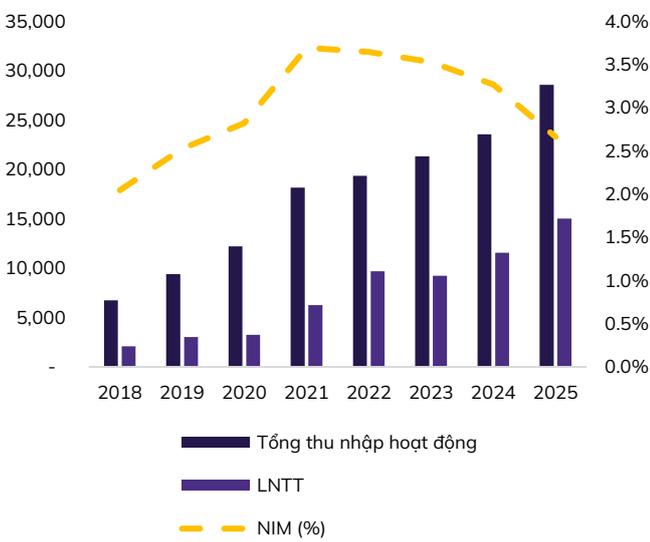


Thu nhập lãi thuần (Tỷ VND)

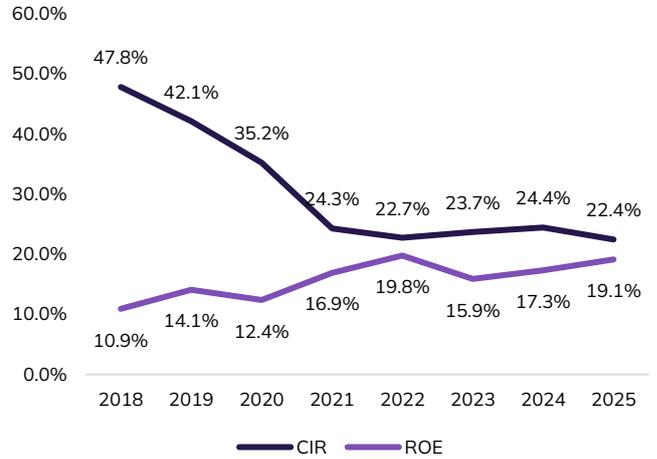


Nguồn: SHB, ABS Research

Tổng thu nhập hoạt động (Tỷ VND)

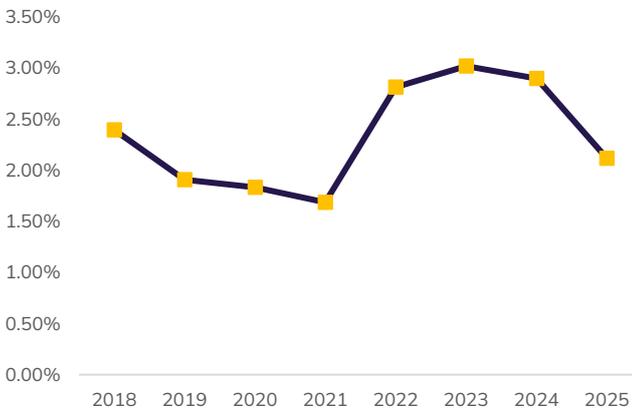


Hiệu quả hoạt động (%)

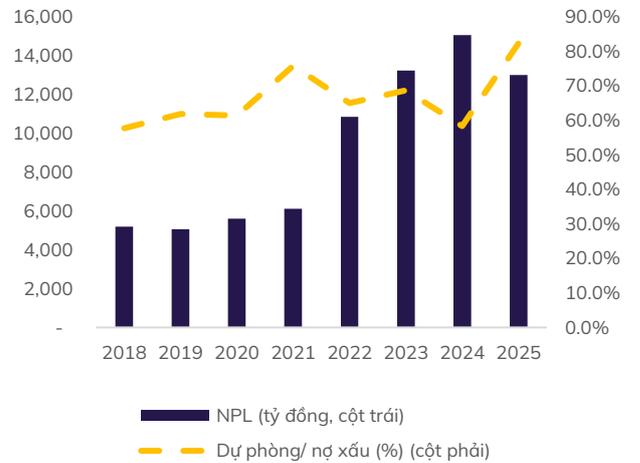


Nguồn: SHB, ABS Research

Tỷ lệ nợ xấu (%)



Chất lượng tài sản (%)



Nguồn: SHB, ABS Research

Triển vọng và Dự báo

Định hướng 2026 của SHB

- **Dựa trên đà tăng trưởng năm trước, ngân hàng đặt kế hoạch ổn định cho năm 2026:**
 - Tổng tài sản tăng trưởng 14% svck, lên mức 1 triệu tỷ đồng.
 - Tín dụng tăng trưởng theo mức trung bình ngành, khoảng 15%.
 - Huy động tăng trưởng khoảng 16% trở lên.
 - LNTT tăng trưởng 2 chữ số.
- **Tiếp tục nâng vốn trong 2026**
 - Quốc tế: SHB dự kiến nhận khoản vay 350 triệu USD (kỳ hạn 3 năm) từ tổ chức nước ngoài trong quý 1/2026 và tiếp tục đàm phán khoản vay 500 triệu USD với kỳ hạn từ 3 đến 5 năm. Mục tiêu huy động lũy kế 1 tỷ USD vốn quốc tế trong năm 2026.
 - Trong nước: Vào đầu tháng 3/2026, SHB đã được NHNN chấp thuận việc nâng vốn từ 45.942 tỷ đồng lên mức tối đa 53.442 tỷ đồng, thông qua 3 phương thức: Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động SHB (ESOP). Trong đó có nhiều nhà đầu tư chuyên nghiệp, tổ chức và quỹ đầu tư lớn. Số vốn trên sẽ được sử dụng đầu tư vào hoạt động cốt lõi và tài sản cố định.

Kết quả kinh doanh 2 tháng đầu năm 2026

- Ban lãnh đạo chia sẻ, SHB đã hoàn thành hơn 20% kế hoạch lợi nhuận trong 2 tháng đầu năm và quý I dự kiến vượt 30% kế hoạch năm.

Chúng tôi nhận định triển vọng tăng trưởng của SHB khả quan trong năm 2026 do những yếu tố sau:

- Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng tín dụng của SHB đạt mức 14,7% svck trong năm 2026, thấp hơn chút so với mức tăng trưởng được dự kiến của toàn ngành (15%), được hỗ trợ bởi kỳ vọng GDP tăng trưởng hai con số làm tăng nhu cầu sử dụng vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, SHB là một trong những ngân hàng dẫn đầu về tỷ trọng cho vay bất động sản sẽ bị ảnh hưởng tương đối khi NHNN đã yêu cầu kiểm soát tốc độ tăng tín dụng bất động sản không tăng trưởng cao hơn bình quân chung ngay từ đầu năm.
- NIM của SHB được dự phóng đạt 2,56% (-10 bps svck) trong 2026 do chúng tôi cho rằng mặt bằng lãi suất cho vay ngành ngân hàng nhích nhẹ lên nhưng chậm hơn tốc độ tăng của chi phí vốn.
- Gần đây, SHB Finance đã được NHNN nhận được chấp thuận chuyển đổi hình thức pháp lý của SHB Finance, từ loại hình Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sang Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên, là tiền đề cho việc chuyển nhượng 50% vốn còn lại tại SHB Finance cho Ngân hàng Ayudhya, ngân hàng thành viên của MUFG. Thương vụ dự kiến hoàn tất trong 2026 và sớm nhất là quý 2/2026. Thương vụ trên dự kiến mang lại nguồn thặng dư vốn lớn cho SHB, đồng thời giúp SHB tập trung nguồn lực hơn cho các mảng kinh doanh cốt lõi.
- Thu nhập ngoài lãi dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan, động lực thúc đẩy chủ yếu đến từ tăng cường các hoạt động thu hồi xử lý nợ xấu sau khi Nghị quyết 42 được luật hóa. Đồng thời, ngân hàng cũng đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện cũng như ra mắt các sản phẩm mới như: SHB SAHA, SHB Corporate,... giúp mở rộng quy mô phục vụ, thu hút thêm khách hàng từ đó gia tăng thu nhập từ phí.

- Chúng tôi dự báo nợ xấu trong năm 2026 đạt 2,01% (-11 bps svck) khi SHB tiếp tục đẩy mạnh việc xử lý nợ xấu và tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu dự kiến đạt mức 78,1% (-4,3 điểm phần trăm svck). Chi phí hoạt động dự kiến ở mức 7.607 tỷ đồng (+18,6% svck), với CIR tăng nhẹ lên mức 23,5% từ mức 22,4% trong năm 2025.
- Chúng tôi dự phóng LNTT của SHB năm 2026F đạt 16.632 tỷ đồng (+10,7% svck). EPS và BVPS dự kiến đạt lần lượt 2.683 đồng/cp và 16.616 đồng/cp. ROE dự kiến đạt 17,0%.
- Chúng tôi đưa ra giá mục tiêu của SHB ở mức 20.000 đ/cp, tương ứng P/B 2026F ở mức 1,20x. Với tiềm năng tăng giá +33,3% so với giá hiện tại, chúng tôi khuyến nghị **MUA** với cổ phiếu SHB.

Mã cp	P/B	ROE TTM
VIB	1.24	16.41%
SSB	1.18	14.62%
STB	1.99	10.34%
Trung bình	1.47	13.79%
SHB	1.20	17,0%

Nguồn: FiinPro, ABS Research

PHỤ LỤC: KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CỦA SHB

Báo cáo KQ HKĐK (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	57,589	50,487	57,355	62,910
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(38,304)	(29,255)	(37,138)	(40,405)
Thu nhập lãi thuần	19,285	21,232	20,217	22,505
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	913	1,570	3,429	5,302
Chi phí hoạt động dịch vụ	(368)	(286)	(222)	(1,149)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	545	1,283	3,206	4,153
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	282	86	258	297
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	11	3	42	51
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	(218)	142	171
Thu nhập từ hoạt động khác	501	1,342	4,904	6,375
Chi phí hoạt động khác	(67)	(186)	(160)	(208)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	434	1,156	4,744	6,167
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	743	30	(23)	(23)
Tổng thu nhập hoạt động	21,328	23,572	28,588	33,321
Chi phí hoạt động	(5,052)	(5,760)	(6,416)	(7,831)
LN thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng	16,277	17,812	22,172	25,491
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(7,038)	(6,243)	(7,144)	(8,207)
Tổng lợi nhuận trước thuế	9,239	11,569	15,028	17,284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,914)	(2,247)	(3,018)	(3,471)
Lợi nhuận sau thuế	7,325	9,322	12,010	13,812
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
An toàn vốn	2023	2024	2025	2026F
VCSH/TTS	7.9%	7.8%	7.6%	8.5%
VCSH/ Cho vay khách hàng	11.4%	11.2%	11.1%	12.6%
An toàn vốn	2023	2024	2025	2026F
NPL	3.0%	2.9%	2.1%	2.0%
Dự phòng bao nợ xấu	68.7%	58.4%	82.4%	78.1%
Hiệu quả hoạt động	2023	2024	2025	2026F
CIR	23.7%	24.4%	22.4%	23.5%
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập	90.4%	90.1%	70.7%	67.5%
Thu nhập ngoài lãi/ Tổng thu nhập	9.6%	9.9%	29.3%	32.5%
Lợi nhuận	2023	2024	2025	2026
NIM	3.5%	3.3%	2.7%	2.6%
Thu nhập ngoài lãi/lãi thuần từ HKĐK	9.6%	9.9%	29.3%	32.5%
ROA	1.2%	1.4%	1.5%	1.4%
ROE	15.9%	17.3%	19.1%	17.6%
Thanh khoản	2023	2024	2025	2026
LDR thuần	92.9%	99.0%	99.1%	97.4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1,371	1,564	2,038	3,884
Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam	54,764	27,437	34,355	46,459
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	63,549	117,349	137,826	159,878
Chứng khoán kinh doanh	7,793	4,910	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0	141	0
Cho vay khách hàng	429,363	511,153	604,141	695,995
Chứng khoán đầu tư	32,064	32,336	28,300	32,246
Đầu tư dài hạn	414	441	421	421
Tài sản cố định	5,229	5,328	5,539	5,749
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản Có khác	35,954	46,960	79,810	100,948
Tổng tài sản	630,501	747,478	892,571	1,045,580
Các khoản nợ NHNN	1,334	1,243	16,554	16,554
Tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng khác	70,766	134,091	149,419	173,327
Tiền gửi của khách hàng	447,503	499,897	572,150	663,694
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	97	62	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư của Chính phủ và các tổ chức tín dụng khác	1,611	1,430	15,805	15,805
Phát hành giấy tờ có giá	42,822	39,248	53,097	66,371
Các khoản nợ khác	16,269	13,441	17,550	20,543
Tổng nợ phải trả	580,402	689,411	824,575	956,292
Vốn	37,638	38,073	47,386	54,866
Dự phòng	5,138	7,192	7,178	7,162
Chênh lệch tỷ giá	(689)	(531)	(446)	(446)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	8,011	13,333	13,878	27,705
Tổng vốn chủ sở hữu	50,098	58,067	67,996	89,288
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi ích của cổ đông thiểu số	630,501	747,478	892,571	1,045,580
Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2023	2024	2025	2026F
Huy động khách hàng	23.7%	11.7%	14.5%	16.0%
Tín dụng	14.3%	17.2%	16.0%	14.7%
Tổng tài sản	16.2%	18.6%	19.4%	17.1%
Vốn chủ sở hữu	16.8%	15.9%	17.1%	31.3%
Thu nhập lãi thuần	9.9%	10.1%	-4.8%	11.3%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	10.3%	10.5%	21.3%	16.6%
Chi phí hoạt động	15.0%	14.0%	11.4%	22.0%
Lợi nhuận trước thuế	-4.6%	25.2%	29.9%	15.0%
Lợi nhuận sau thuế	-5.2%	27.3%	28.8%	15.0%
Định giá (lần)	2023	2024	2025	2026F
EPS (đồng/cp)	2,024	2,306	2,918	2,787
BVPS (đồng/cp)	13,842	15,853	14,800	16,714

Nguồn: FiinPro, SHB, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn



Từ hào
NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG



BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây